

Bản án số: 455/2018/HCPT

Ngày: 15/10/2018

V/v: Khiếu kiện về quản lý đất đai

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Bình;

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Mạnh Hùng;

Ông Nguyễn Văn Cường.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quang Huy, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Vũ Quang Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 59/2018/TL-PT ngày 29 tháng 3 năm 2018 về việc "Khiếu kiện về quản lý đất đai" do có kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện B đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 63/2018/HCST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh H.

1. Người khởi kiện: Ông Trần Văn H (Trần Ngọc H), sinh năm 1959 và bà Trần Thị X, sinh năm 1958; đều trú tại: Thôn P, xã H, huyện B, tỉnh H. Bà Trần Thị X ủy quyền cho ông Trần Văn H tham gia tố tụng, ông H có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H: Ông Phạm Văn Y, sinh năm 1955; trú tại: Số 05/107 đường C, thành phố H, tỉnh H, có mặt.

2. Người bị kiện:

- Ủy ban nhân dân (UBND) huyện B, đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trung K – Chủ tịch UBND huyện B, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Chủ tịch UBND huyện B: Ông Nguyễn Trung K. Địa chỉ: Thị trấn K, huyện B, tỉnh H, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích cho UBND huyện B và Chủ tịch UBND huyện B: Ông Lương Đức C-Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B (Theo Văn bản số 473/UBND-VP ngày 09/10/2018), có mặt.

- Chủ tịch UBND tỉnh H: Ông Nguyễn Dương T; Địa chỉ: Số 45 đường Q, phường Q, thành phố H, tỉnh H, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích cho Chủ tịch UBND tỉnh H: Ông Nguyễn Hữu L, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 21/02/2008, UBND huyện B ban hành Quyết định số 591/QĐ-UBND về việc thu hồi 12.435,34m² tại ba xã M, N, P, huyện B giao cho cho ban quản lý các dự án giao thông thuộc Sở Giao thông vận tải tỉnh H để nâng cấp, cải tạo tại đường 394 (đoạn từ Km10+500 đến Km13+700). Trong đó có hộ gia đình ông Trần Văn H và bà Trần Thị X bị thu hồi 85,05m².

Ngày 25/12/2008, UBND tỉnh H ban hành Quyết định số 4967/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất để cải tạo, nâng cấp đường 394.

Ngày 14/12/2010, UBND huyện B ban hành quyết định thu hồi 18,48m² đất của 27 hộ nằm ngoài phạm vi 6,25m tính từ tim đường 394 (141 hộ còn lại có diện tích bị thu hồi nằm trong phạm vi 6,25m tính từ tim đường nên UBND huyện không ban hành quyết định thu hồi đất). Hộ gia đình ông H và bà X không nhận được quyết định thu hồi diện tích 84,94m² đất; diện tích 0,11m² có quyết định thu hồi đất.

Ngày 16/12/2010, UBND huyện B ban hành Quyết định số 2869/QĐ-UBND phê duyệt chi tiết phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung, trong đó bồi thường 18,48m² đất ở của 27 hộ nằm ngoài phạm vi 6,25m tính từ tim đường.

Theo ông Trần Văn H và bà Trần Thị X: Thừa đất của ông H và bà X có nguồn gốc là của cụ Trần Văn Đ và Lê Thị E (bố mẹ đẻ ông H) cho để ở từ năm 1979. Trước đó cụ Đ quản lý và sử dụng 01 mảnh đất của cha ông để lại ở trong làng, sau đó vào năm 1959 hợp tác xã đã đổi cho hai cụ ở phần đất hiện tại mà ông H đang quản lý; vì đất của cụ Đ hợp tác xã đã sử dụng làm sân kho. Đất của cụ Đ và cụ E có từ năm 1959, nghĩa là đất được sử dụng ổn định, liên tục từ năm 1959, không có tranh chấp và được đóng thuế đầy đủ với diện tích là 532m². Đến năm 2003 thì vợ chồng ông H bán lại 37m² đất cho anh Nguyễn Văn C (cũng là người khởi kiện trong vụ án hành chính), nên diện tích đất còn lại là 495m². Để thực hiện dự án xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp đường 394 (km10+500, km 13+700) xã N, trong đó hộ gia đình ông H bị thu hồi 85,05 m² đất. Tuy nhiên ngày 25/12/2008 Chủ tịch UBND tỉnh H đã ban hành Quyết định số 4967/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ đợt 1 và UBND huyện B đã không bồi thường mà chỉ hỗ trợ về đất cho các hộ dân trong đó có gia đình ông H với giá 50.000đ/m² là không đúng, trong khi đó các hộ dân

ở giáp ranh như M, P thì được bồi thường 3.000.000đ/m². Cho rằng quyền và lợi ích của mình chưa đảm bảo gia đình ông H đã làm đơn khiếu nại gửi UBND huyện B về việc đề nghị xem xét lại nguồn gốc đất, xem xét chiều rộng mặt đường 194, đề nghị bồi thường khi thu hồi đất.

Ngày 26/3/2013, Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 901/QĐ-UBND với nội dung không chấp nhận khiếu nại của các hộ dân trong đó có hộ ông H và bà X.

Ông H và bà X tiếp tục có đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh H.

Ngày 30/10/2014, Chủ tịch UBND tỉnh H ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 2687/QĐ-UBND với nội dung không chấp nhận khiếu nại của các hộ dân, trong đó có hộ ông H và bà X.

Ngày 25/3/2015, ông Trần Văn H và bà Trần Thị X khởi kiện, sau đó bổ sung yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh H:

- Buộc UBND huyện B ban hành quyết định thu hồi đất cá biệt và bồi thường theo giá đất ở đối với diện tích 84,94m² đất bị thu hồi (Vì UBND huyện B đã bồi thường bổ sung theo giá đất ở 0,11m² trong tổng số 85,05m² đất bị thu hồi).

- Hủy một phần Quyết định giải quyết khiếu nại số 901/QĐ-UBND ngày 26/3/2013 của Chủ tịch UBND huyện B liên quan việc không bồi thường đất cho hộ ông H và bà X.

- Hủy một phần Quyết định giải quyết khiếu nại số 2687/QĐ-UBND ngày 30/10/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh H liên quan việc không bồi thường đất cho hộ ông H và bà X.

Theo UBND huyện B và Chủ tịch UBND huyện B:

Thực hiện các Quyết định số 1138/QĐ-UBND ngày 29/3/2006; Quyết định số 591/QĐ-UBND ngày 21/02/2008 của UBND tỉnh H về việc phê duyệt dự án, thu hồi đất phục vụ dự án cải tạo nâng cấp đường 394 (Km12+500 – Km13+700) đoạn qua xã N, huyện B. UBND huyện B đã ban hành Quyết định số 893/QĐ-UBND ngày 30/8/2006 thành lập ban giải phóng mặt bằng, đồng thời triển khai giao nhiệm vụ cho ban GPMB phối hợp với UBND xã N tiến hành các quy trình về thu hồi đất như thông báo cho các hộ dân, đo đạc kiểm đếm, xác định loại đất, lập phương án đền bù, hỗ trợ việc thu hồi đất, tài sản trên đất.

Căn cứ các quy định về hành lang an toàn giao thông theo Nghị định số 203/NĐ-HĐBT ngày 21/12/1982; bản đồ 299; bản xác định nguồn gốc sử dụng đất ngày 04/10/2008, ngày 06/10/2010 do UBND xã N lập, biên bản kiểm kê và các hồ sơ quản lý, sử dụng đất thể hiện đường 194 cũ (nay là 394) qua xã N đoạn đường nhà ông H, bà X có chiều rộng 12,5m; diện tích 84,94m² đất thu hồi thuộc dự án chiếm dụng tiếp giáp thửa đất của ông H, bà X thuộc đất hành lang giao thông do Nhà nước quản lý, không phải đất của hộ gia đình nên UBND

huyện B không ban hành quyết định thu hồi đất cá biệt, không bồi thường mà chỉ hỗ trợ về đất đối với hộ ông H và bà X là đúng quy định của pháp luật.

Chủ tịch UBND huyện B xác định việc ban hành Quyết định số 901/QĐ-UBND ngày 26/3/2013 về việc giải quyết khiếu nại là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Do đó, UBND huyện B và Chủ tịch UBND huyện B giữ nguyên hành vi hành chính, quyết định hành chính bị khởi kiện, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H và bà X.

Theo Chủ tịch UBND tỉnh H:

Khi ông H và bà X có đơn khiếu nại, Chủ tịch UBND tỉnh đã thành lập đoàn cán bộ tiến hành thẩm tra xác minh các quy trình thực hiện đền bù hỗ trợ khi thu hồi đất hộ gia đình ông H và bà X và hơn 90 hộ dân khác tại thôn P, xã N, huyện B. Căn cứ kết quả xác minh chủ tịch UBND tỉnh xác định chiều rộng mặt đường 394 mà UBND huyện B xác định là 12,5m tuy chưa có cơ sở chính xác nhưng có lợi cho người dân nên chấp nhận phương án này, tuy nhiên tại Điều 2 của Quyết định số 2687/QĐ-UBND ngày 30/10/2014 Chủ tịch UBND tỉnh đã giao cho UBND huyện B tiến hành rà soát lại, nếu người dân chưa có các loại giấy tờ về sử dụng đất hợp pháp nhưng họ ra ở, sử dụng trước ngày 21/12/1982 mà được thể hiện trên bản đồ 299 thì xem xét bồi thường cho họ.

Chủ tịch UBND tỉnh H xác định việc ban hành Quyết định số 2687/QĐ-UBND đúng trình tự, đúng pháp luật nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H và bà X.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 63/2018/HCST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh H, quyết định.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn H (Trần Ngọc H) và bà Trần Thị X.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện B phải ban hành quyết định thu hồi đất cá biệt đối với diện tích 84,94 m² đất ở của hộ gia đình ông H và bà X để phục vụ dự án cải tạo, nâng cấp đường 394 đoạn qua xã N (Km12+500 – Km13+700) huyện B.

- Ủy ban nhân dân huyện B thực hiện bồi thường cho gia đình của ông Trần Văn H và bà Trần Thị X 84,94 m² đất bị thu hồi theo giá đất ở theo quy định của pháp luật.

- Hủy một phần Quyết định giải quyết khiếu nại số 901/QĐ-UBND ngày 26/3/2013 của Chủ tịch UBND huyện B về nội dung không công nhận khiếu nại của hộ gia đình ông Trần Văn H.

- Hủy một phần Quyết định giải quyết khiếu nại số 2687/QĐ-UBND ngày 30/10/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh H về nội dung không công nhận khiếu nại của hộ gia đình ông Trần Văn H.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26/10/2017, UBND huyện B kháng cáo đề nghị: Giữ nguyên Quyết định số 901/QĐ-UBND ngày 26/3/2013 của Chủ tịch UBND huyện B; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn H và bà Trần Thị X.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Theo người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của UBND huyện B và Chủ tịch UBND huyện B: Diện tích 84,94m² đất thu hồi của hộ gia đình ông Trần Văn H thuộc đất hành lang giao thông. Do đó, UBND huyện B đã không ban hành quyết định thu hồi đất, bồi thường, chỉ hỗ trợ công vượt lập cho hộ dân sử dụng đất nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H. Tại Biên bản thẩm định ngày 19/9/2018, hiện trạng gia đình ông H đang sử dụng diện tích 996m² đất, tăng so với diện tích đo đạc năm 2001 là 501m², trong đó diện tích tăng phía trước là 58m². Đề nghị chấp nhận kháng cáo của UBND huyện B.

Theo ý kiến của người khởi kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của UBND huyện B; giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát cấp cao tại Hà Nội:

Về thủ tục tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự và tố tụng hành chính.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng quy định Luật tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo của UBND huyện B đúng quy định tại Điều 174, Điều 175, Điều 176 Luật tố tụng hành chính nên đủ điều kiện xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Tại Biên bản xét duyệt ngày 06/10/2010 đã xác định nguồn gốc đất của cha mẹ của ông H cho vợ chồng ông H từ năm 1979, nhưng không rõ diện tích. Tại Biên bản kiểm kê ngày 21/9/2006 thể hiện diện tích 85,05m² là đất vượt lập và gia đình ông H đã nhận tiền hỗ trợ công vượt lập. Tại phiên tòa phúc thẩm ông H xác nhận bà X (là vợ của ông H) đã ký biên bản và nhận tiền. Theo Biên bản thẩm định ngày 19/9/2018 tổng diện tích gia đình ông H hiện đang sử dụng là 996m²; tăng so với diện tích đo đạc năm 2001 là 501m²; diện tích tăng thêm phía trước là 58m². Từ đó, có đủ căn cứ xác định diện tích 84,94m² đất bị thu hồi không thuộc diện tích đất hợp pháp của gia đình ông H, mà thuộc đất hành lang giao thông. Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H và bà X là thiếu căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng Khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng hành chính chấp nhận kháng cáo của UBND huyện B, sửa bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, nghe ý kiến trình bày, tranh luận của các bên đương sự, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Quyết định giải quyết khiếu nại số 901/QĐ-UBND ngày 26/3/2013 của Chủ tịch UBND huyện B và Quyết định giải quyết khiếu nại số 2687/QĐ-UBND ngày 30/10/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh H là quyết định hành chính thuộc đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính; đối với yêu cầu khi thu hồi đất phải ban hành quyết định thu hồi đất cá biệt và bồi thường theo giá đất ở đã được giải quyết tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 901/QĐ-UBND và Quyết định giải quyết khiếu nại số 2687/QĐ-UBND. Ngày 25/3/2015, ông Trần Văn H và bà Trần Thị X khởi kiện là vẫn còn thời hiệu khởi kiện; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh H theo quy định tại Điều 30, 32, khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính, Tòa án nhân dân tỉnh H thụ lý giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hình thức, trình tự, thẩm quyền ban hành Quyết định số 901/QĐ-UBND và Quyết định số 2687/QĐ-UBND:

Theo quy định của Luật đất đai, Luật khiếu nại, Luật tổ chức chính quyền Chủ tịch UBND huyện B và Chủ tịch UBND tỉnh H ban hành các quyết định giải quyết khiếu nại là đảm bảo về hình thức, đúng về trình tự và thẩm quyền.

[2.2]. Về nội dung của Quyết định số 901/QĐ-UBND và Quyết định số 2687/QĐ-UBND:

Xét về nguồn gốc đất: Theo ông H thì diện tích đất của gia đình ông H, bà X có nguồn gốc đất là của cụ Trần Văn Đ và Lê Thị E (cha mẹ của ông H) cho để ở từ năm 1979; đất của cụ Đ có từ năm 1959. Sau khi được cho đất hộ gia đình ông H là người trực tiếp quản lý và sử dụng đất từ đó đến nay, đã đóng thuế và không có tranh chấp với ai. Mặc dù các giấy tờ có liên quan đến nguồn gốc đất hiện gia đình không còn lưu giữ, tuy nhiên đã được chính quyền địa phương xác nhận đất có nguồn gốc từ năm 1976. UBND xã N đã tiến hành đo đạc xác định diện tích, ranh giới mốc cõi (có sơ đồ) từ năm 1993 để quản lý và thực hiện thu thuế đất ở, xác định gia đình ông H đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế diện tích đất ở hàng năm với diện tích là 532m². Đến năm 2003 thì vợ chồng ông H bán lại 37m² đất cho anh Nguyễn Văn C nên diện tích đất còn lại là 495m².

Tại Biên bản kiểm kê ngày 21/9/2006 để phục vụ dự án cải tạo, nâng cấp đường thì diện tích đất của hộ ông H, bà X mà UBND sử dụng giải phóng mặt bằng là 85,05m² đất vượt lập, phi nông nghiệp (bà X có ký tên chủ hộ). Tại phiên tòa phúc thẩm ông H xác nhận năm 2006, bà X là người ký Biên bản kiểm kê ngày 21/9/2006.

Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 19/9/2018 đối với thửa đất ở của hộ gia đình ông H đã xác định: Thể hiện từ tim đường 394 đến mép đường 394 là 3,78m; từ tim đường 394 đến diện tích đất đang sử dụng là 6,3m; tổng diện tích đất là 996m². Như vậy, theo kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất đình ông H đang sử dụng là 996m² đất ở nông thôn, tăng thêm so với số liệu đo đạc năm 2001 là 501m²; trong đó diện tích đất tăng phía trước giáp đường 394 là 58m²; diện tích đất tăng phía sau là 443m². Do đó, có đủ căn cứ xác định diện tích 84,94m² đất gia đình ông H bị thu hồi không nằm trong diện tích thửa đất ở hợp pháp của gia đình ông H.

Phía người bị kiện cho rằng diện tích thu hồi của hộ ông H 84,94m² thuộc công trình giao thông, không thu hồi vào đất của hộ ông H nên UBND huyện đã không ban hành quyết định thu hồi đất và bồi thường về đất cho hộ ông H mà chỉ hỗ trợ công bồi đắp là có cơ sở.

Như vậy, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H cho rằng phải ban hành quyết định thu hồi đối với diện tích 84,94m² đất và phải bồi thường theo giá đất ở. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu huỷ một phần Quyết định 901/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện B và Quyết định số 2687/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh H. Tòa án cấp sơ thẩm chưa đánh giá đúng các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ; không thẩm định hiện trạng hộ gia đình ông H hiện đang sử dụng diện tích đất để xem xét diện tích đất gia đình ông H bị thu hồi 84,94m² là đất ở hay đất vượt lập, mà đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H là không đủ căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm cần chấp nhận kháng cáo của UBND huyện B và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sửa bản án sơ thẩm.

Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của UBND huyện B được chấp nhận nên không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm. Ông Trần Văn H phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Chủ tịch UBND tỉnh H và Chủ tịch UBND huyện B không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Về chi phí thẩm định phía UBND huyện B tự nguyện chịu mọi chi phí, nên không yêu cầu người khởi kiện phải chịu chi phí thẩm định.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

Chấp nhận kháng cáo của UBND huyện B, sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 63/2017/HCST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh H, quyết định:

Bác yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân huyện B phải ban hành quyết định thu hồi đất cá biệt đối với diện tích 84,94 m² đất của hộ gia đình ông H và bà X để phục vụ dự án cải tạo, nâng cấp đường 394 đoạn qua xã N (Km12+500 – Km13+700) huyện B.

Bác yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện B thực hiện bồi thường cho gia đình của ông Trần Văn H và bà Trần Thị X diện tích 84,94 m² đất bị thu hồi theo giá đất ở theo quy định của pháp luật.

Bác yêu cầu hủy một phần Quyết định giải quyết khiếu nại lần 1 số 901/QĐ-UBND ngày 26/3/2013 của Chủ tịch UBND huyện B về nội dung không công nhận khiếu nại của hộ gia đình ông Trần Văn H và bà Trần Thị X.

Bác yêu cầu hủy một phần Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 2687/QĐ-UBND ngày 30/10/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh H về nội dung không công nhận khiếu nại của hộ gia đình ông Trần Văn H và bà Trần Thị X.

Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, UBND huyện B không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm, hoàn trả cho UBND huyện B 300.000đồng tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002385 ngày 08/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự tỉnh H. Chủ tịch UBND tỉnh H, UBND huyện B và Chủ tịch UBND huyện B không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Ông Trần Văn H phải chịu 300.000đồng án phí hành chính sơ thẩm được đối trừ 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AB/2014/0004365 ngày 17/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự tỉnh H.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh H;
- VKSND tỉnh H;
- Cục THA dân sự tỉnh H;
- Đường sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Thúy Bình